TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 574/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2019
V/v "Ly hôn giữa chị T và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Thúy

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nguyễn Hạnh Ngân – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 702/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2018 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2019/QĐXX-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2019/QĐST-HPT ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1995 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 13, ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên lạc: 149/29/26 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 154 đường Đ, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 11/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng P tự nguyện chung sống với nhau năm 2014, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng

nhận kết hôn số 99, quyển số 01/2015 ngày 13/11/2015, có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 05/7/2015.

Sau khi cưới, chị T và anh P sống tại nhà thuê. Đến giữa năm 2016 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Theo chị T thì anh P không quan tâm đến vợ con, không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế chăm lo cho gia đình mà còn ham mê chơi cờ bạc dẫn đến gây nợ khiến chị T phải nhiều lần trả nợ thay, thậm chí phải bán cả số nữ trang vợ chồng được gia đình hai bên cho trong ngày cưới để trả nợ cho anh P. Chị T đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo điều kiện cho anh P sửa đổi tính tình nhưng trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến. Chị Nguyễn Thị Bảo T xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bảo T yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 05/7/2015, không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bảo T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Nguyễn Hoàng P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bảo T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 05/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Bảo T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bảo T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo T đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng P có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Nguyễn Hoàng P phát sinh từ năm 2005, đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bảo T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2016 do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh P không quan tâm đến vợ con, không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế mà còn chơi cờ bạc dẫn đến gây nợ khiến chị T phải nhiều lần trả nợ thay**.** Từ tháng 7 năm 2018, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân cho đến nay. Chị Nguyễn Thị Bảo T xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Hoàng P.

Phía bị đơn anh Nguyễn Hoàng P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì giữa chị T, anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ tháng 7 năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt, thường xảy ra gây cãi và đã ly thân cho đến nay. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng chị T, anh P hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, phía bị đơn anh Nguyễn Hoàng P vắng mặt không lý do, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Nguyễn Hoàng P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[5]. Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 05/7/2015 đang sống cùng chị Nguyễn Thị Bảo T, chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên. Vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ

khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 05/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Bảo T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bảo T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bảo T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Nguyễn Hoàng P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 14, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Nguyễn Hoàng P. Giấy chứng nhận kết hôn số số 99, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/11/2015 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 05/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Bảo T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị Bảo T không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng P có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Nguyễn Thị Bảo T.

Anh Nguyễn Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Nguyễn Hoàng P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Bảo T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Hoàng P.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bảo T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bảo T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được tính vào số tiền tạm nộp án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0010420 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Nguyễn Thị Bảo T đã nộp đủ án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Bảo T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Trúc